



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

ISSN 2815 - 584X



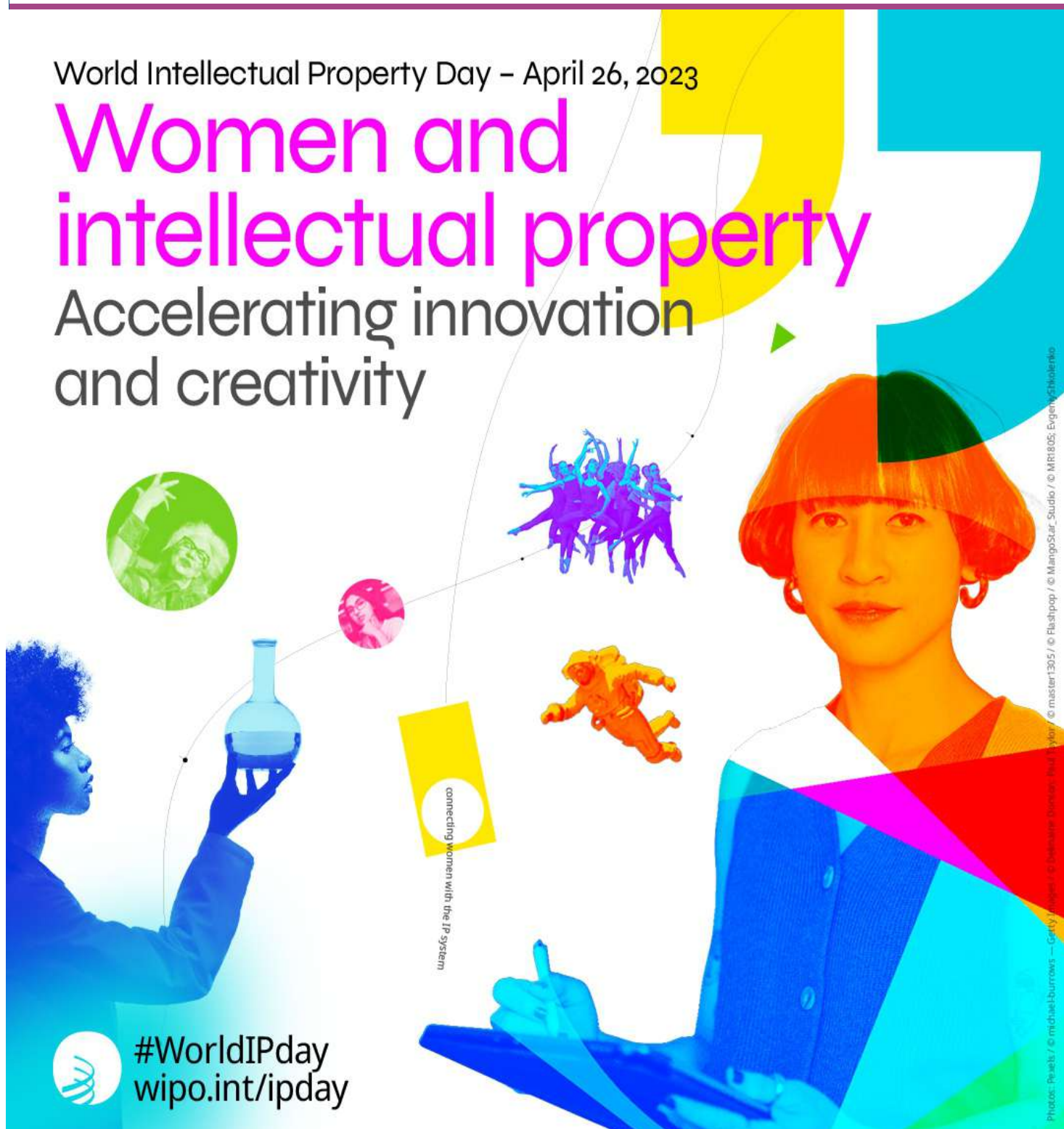
Số 02-2023

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

World Intellectual Property Day – April 26, 2023

Women and intellectual property

Accelerating innovation
and creativity



#WorldIPday
wipo.int/ipday

BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số: 02-2023



Chịu trách nhiệm xuất bản:

THS. NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822007

Fax: 0255.3828529

Email: ttuudvkhcn-sk@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1:

*Thông điệp ngày Sở hữu trí tuệ thế giới
(26/4/2023)*

(Nguồn: <https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/ip-day-2023>)

Trong số này:

◆ Những vấn đề chung:

✍ Thông điệp ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4/2023).

NGUYỄN DUNG 1

✍ Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

PHƯƠNG UYÊN 2

✍ Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

PHƯƠNG UYÊN 5

✍ Kế hoạch xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

NHƯ PHƯƠNG 7

✍ Kế hoạch tổ chức Hội thi sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13, năm 2022-2023.

ANH NGUYỄN 8

✍ Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023.

NGUYỄN DUNG 9

◆ Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:

✍ Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực sở hữu trí tuệ năm 2022.

MINH PHƯƠNG 10

✍ Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.

NGUYỄN PHƯƠNG 12

✍ Đánh giá hiệu quả điều trị rối loạn lo âu lan tỏa bằng liệu pháp tâm lý nhận thức - hành vi kết hợp thuốc hóa dược tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi.

MAI ANH 16

✍ Sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

ANH KHUÊ 21

✍ Quảng Ngãi có thêm 36 sản phẩm được cấp chứng nhận sản phẩm OCOP.

ANH KHUÊ 23

✍ Một số nhãn hiệu được bảo hộ trong năm 2022.

CẨM NGUYỄN 24

◆ Thông tin cần biết:

25

Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2023:

“PHỤ NỮ VỚI SỞ HỮU TRÍ TUỆ - THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO”

Nhằm tôn vinh vai trò của sở hữu trí tuệ (SHTT) trong đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao nhận thức của cộng đồng về SHTT, Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) đã chọn ngày 26 tháng 4 hằng năm là “Ngày SHTT thế giới”. Năm 2023, WIPO đã công bố chủ đề của Ngày SHTT thế giới là: Phụ nữ với Sở hữu trí tuệ - Thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Thông điệp của Ngày SHTT năm nay đề cao sức sáng tạo của phụ nữ và khuyến khích phụ nữ tìm hiểu và sử dụng hiệu quả công cụ SHTT.

Trải qua nhiều thế hệ, phụ nữ đã định hình thế giới của chúng ta bằng sự khéo léo và sáng tạo của mình.

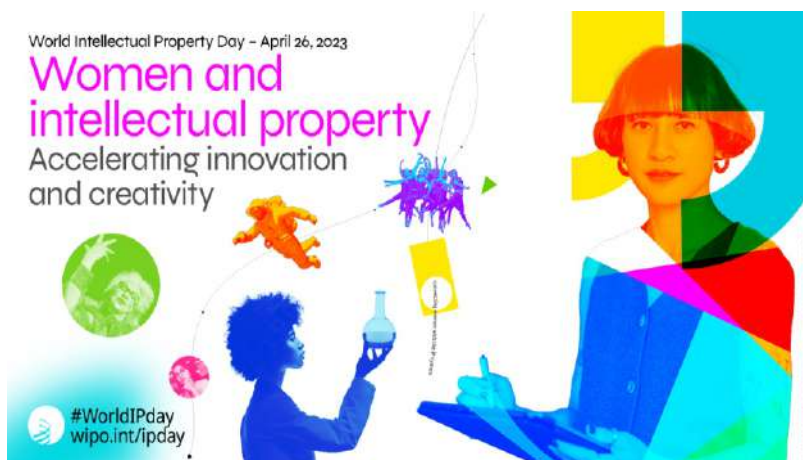
Phụ nữ ở khắp mọi nơi đang:

- Thúc đẩy các đột phá khoa học;
- Thiết lập xu hướng sáng tạo mới;
- Tạo dựng doanh nghiệp và làm biến đổi thế giới của chúng ta.

Phụ nữ mang đến những quan điểm và tài năng mới. Nhưng có một vấn đề! Quá ít phụ nữ tham gia vào hệ thống sở hữu trí tuệ. Điều đó có nghĩa là có quá ít phụ nữ được hưởng lợi từ sở hữu trí tuệ.

Và khi phụ nữ bị thua thiệt, tất cả chúng ta cũng sẽ bị thua thiệt. Vì vậy, chúng ta cần khuyến khích nhiều phụ nữ hơn sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ để bảo vệ và gia tăng giá trị cho công việc của họ. Bằng cách đó, chúng ta có thể:

- Phát triển các công nghệ ngày càng nhiều hơn và tốt hơn phục vụ con người;



- Tạo ra nhiều hơn các doanh nghiệp thành đạt do phụ nữ lãnh đạo;

- Hỗ trợ phục hồi kinh tế và phát triển trở lại tốt hơn.

Hãy tưởng tượng những gì chúng ta có thể đạt được... khi có nhiều phụ nữ hơn tham gia vào hoạt động đổi mới và sáng tạo. Khi hoạt động đổi mới, sáng tạo và kinh doanh song hành và gắn với những ý tưởng và quan điểm mới, tất cả chúng ta đều được hưởng lợi.

Sự đa dạng chính là sức mạnh của chúng ta. Mọi người, ở khắp mọi nơi, đều có thể sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ công nghệ, thương hiệu và sự sáng tạo của mình. Phụ nữ chiếm gần một nửa dân số toàn cầu. Họ là nguồn tài năng to lớn. Tất cả chúng ta đều được hưởng lợi từ việc tích cực khuyến khích phụ nữ sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ.

Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023 là dịp để tôn vinh tất cả những người phụ nữ tài năng trên toàn thế giới. Hãy hướng tới bình đẳng giới trong hoạt động sở hữu trí tuệ và giải phóng sự khéo léo và sáng tạo của phụ nữ và trẻ em gái ở khắp mọi nơi. Cùng nhau, chúng ta có thể xây dựng một ngày mai tốt đẹp hơn ■

NGUYỄN DUNG (tổng hợp)

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ PHƯƠNG UYÊN

Nhằm triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch CCHC năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 01/3/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh.



Mục đích là tuyên truyền các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp, người dân về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác CCHC. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh, phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực, những cách làm hiệu quả của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Theo đó, nội dung tuyên truyền gồm:

- Các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC.

- Vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đoàn thể, của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả, thành tựu trong thực hiện

Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, trong đó tập trung tuyên truyền sâu rộng về các lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- + Hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật của nền hành chính phù hợp với Hiến pháp năm 2013; hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế về sở hữu, doanh nghiệp nhà nước; hoàn thiện thể chế về tổ chức và kinh doanh vốn nhà nước; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- + Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại phiên họp trực tuyến với điểm cầu 63 tỉnh.

năm 2020; kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC từ khâu dự thảo; tăng cường xây dựng, hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các TTHC, trọng tâm là các lĩnh vực: Đầu tư, đất đai, xây dựng, sở hữu nhà ở, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, y tế, tiếp cận điện năng, quản lý thị trường....

+ Tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước: Tình hình triển khai Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; việc rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phân loại các cơ quan hành chính làm cơ sở xác định tổ chức bộ máy phù hợp; triển khai diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; phân loại đơn vị sự nghiệp để thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp.

+ Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm đẩy

mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành và giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành với địa phương gắn phân cấp, phân quyền với kiểm tra, kiểm soát nguồn lực.

+ Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kết quả xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

+ Tình hình triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế

☞ một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tình hình, kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức; các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính (việc triển khai và kết quả đánh giá, xếp loại và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 71-KL/TW và Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư); quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

+ Tình hình triển khai, xây dựng, hoàn thiện và kết nối liên thông Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; việc gửi, nhận văn bản điện tử trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

+ Tình hình triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tại địa phương.

- Các nhiệm vụ, giải pháp được quy định tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023 tại Kết luận số 1492-KL/TU ngày 05/12/2022 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (Khóa XX).

- Các mục tiêu và giải pháp của tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác CCHC và kết quả đạt được của tỉnh đối với Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan

hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; dịch vụ bưu chính; việc xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số.

Thông tin kịp thời tình hình và kết quả triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc giải quyết các TTHC đối với người dân; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc tham gia giám sát tiến trình CCHC; các vấn đề cần biết khi thực hiện TTHC ở một số lĩnh vực như: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, hộ tịch, hộ khẩu.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, hành động sáng tạo, đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc trên môi trường số; tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, hạn chế giấy tờ.

- Tuyên truyền, giới thiệu công khai các địa chỉ, điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC, quy định hành chính, tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với người dân; các mô hình đang được triển khai thí điểm, các điển hình tốt trong CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương ■

Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023

✍ PHƯƠNG UYÊN

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 08/02/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023 nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số và phấn đấu nâng cao chỉ số xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh trong năm 2023, góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.



Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Văn Minh, Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo chuyển đổi số.

Ban Chỉ đạo triển khai các nội dung, nhiệm vụ cụ thể: Hội Phiên thứ 1 Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; quyết định kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; cung cấp số liệu đánh giá DTI tỉnh năm 2022; ban hành Chiến lược chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức 02 Đoàn công tác học tập kinh nghiệm chuyển đổi số; thực hiện đánh giá, xếp hạng

chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; trình UBND tỉnh xem xét, ban hành các nội dung về Kế hoạch thực hiện năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi và Danh mục dữ liệu mở đảm bảo đầy đủ, cập nhật kịp thời; hội Phiên thứ 2 Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; ban hành và thực hiện Kế hoạch tổ chức Ngày chuyển đổi số tỉnh năm 2023; hội Phiên thứ 3 Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyển đổi số. Bên cạnh đó, triển khai các nội dung, nhiệm vụ thường xuyên chỉ

đạo, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm 2023 đó là:

- **Đẩy mạnh chuyển đổi số** hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Tích cực hướng dẫn, phục vụ tốt và kịp thời cho người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thương mại điện tử; đưa các sản phẩm OCOPI lên các sàn giao dịch thương mại điện tử; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Đẩy mạnh phổ cập danh tính số toàn dân/định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- **Xác định năm 2023 sẽ tập trung trọng tâm** cho phát triển dữ liệu: Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu; nghiêm túc, thường xuyên cập nhật dữ liệu lên hệ thống báo cáo của tỉnh để kết nối với Trung tâm IOC; tích cực phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, công bố và phát triển Dữ liệu mở để kết nối chia sẻ và an toàn dữ liệu; tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với cổng Dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin các bộ, ngành có liên quan; triển khai đồng bộ CSDL chuyên ngành;...

- **Phối hợp VOV Việt Nam** triển khai ứng dụng nền tảng phát thanh số trên



Chuyển đổi số và cuộc sống ở Việt Nam 10 năm tới: Góc nhìn từ chuyên gia (Ảnh minh họa).

địa bàn tỉnh, đảm bảo đến tháng 09/2023 đạt 100% số xã, phường, thị trấn áp dụng, sử dụng nền tảng này.

- **Lựa chọn các nền tảng số** (được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận) phù hợp với điều kiện của tỉnh để tổ chức triển khai trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thực hiện công tác truyền thông và hướng dẫn khai thác, sử dụng các nền tảng số (đã được triển khai) có hiệu quả để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý của ngành, địa phương; đồng thời, hướng dẫn, vận động người dân và tổ chức tham gia khai thác sử dụng các nền tảng số để đẩy nhanh chuyển đổi số tại địa phương.

- **Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn** cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin; tăng cường phổ cập kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng và người dân.

- **Tăng cường quản lý, điều phối** hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- **Đẩy mạnh công tác truyền thông** về chuyển đổi số trong doanh nghiệp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

- **Tăng cường kiểm tra, đôn đốc** và tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ■

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2023

 NHƯ PHƯƠNG

Nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế; ngày 15/3/2023, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND về xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (HSTKNĐMST) tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

Theo đó, kế hoạch đã đưa ra các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện trong năm 2023 như sau:

- Nâng cao nhận thức về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và xây dựng văn hóa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST): Nâng cấp cổng thông tin KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi; Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về KNĐMST trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trên mạng xã hội; Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về HSTKNĐMST cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; Thúc đẩy hoạt động KNĐMST trong học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên, phụ nữ; Tổ chức cuộc thi, bình chọn, tuyên dương ý tưởng KNĐMST trong đoàn viên, thanh niên tỉnh Quảng Ngãi; diễn đàn thúc đẩy sáng tạo và tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên; Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp”; tập huấn nâng cao nhận thức về KNĐMST cho học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đoàn viên thanh niên, hội

viên hội phụ nữ.

- Thúc đẩy mối liên kết giữa các chủ thể trong HSTKNĐMST: Tổ chức Cuộc thi KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 5; Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh và Chương trình kết nối đầu tư, chia sẻ ý tưởng, giới thiệu công nghệ (Phát động Cuộc thi KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 5; các hội thảo chuyên đề; trưng bày các sản phẩm khởi nghiệp, các giải pháp công nghệ,...).

- Hình thành và phát triển hệ thống hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động KNĐMST: Xây dựng Đề án hình thành Khu dịch vụ hỗ trợ KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi; Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp KNĐMST; tập huấn về KNĐMST cho các tác giả, đồng tác giả có dự án, giải pháp có khả năng thương mại hóa từ các hội thi sáng tạo kỹ thuật, các cuộc thi khởi nghiệp để hình thành doanh nghiệp KNĐMST và tập huấn về nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo... ■

Kế hoạch tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13, năm 2022-2023

✍ ANH NGUYỄN

Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 90/KH-BTC HTSTKT ngày 7/3/2023 về việc về việc tổ chức Hội thi lần thứ 13, năm 2022 - 2023

Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Hội thi) được tổ chức nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo toàn dân trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật; thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Kế hoạch triển khai những nội dung chính sau:

1. Triển khai và làm việc trực tiếp với một số UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp; các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ về Công văn số 361/LHH-BTC ngày 19/10/2022 triển khai một số nội dung cụ thể thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 23/9/2022 về việc tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức, triển khai Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật và Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi



Hội nghị triển khai Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13.

đồng tỉnh và Công văn số 05/LHH-BTC ngày 05/01/2023 về việc triển khai Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng tỉnh lần thứ 8, năm 2023 và Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023).

2. Tuyên truyền, vận động tại cơ sở (các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia Hội thi.

3. Hợp Ban tổ chức Hội thi để thông qua Kế hoạch, bàn công tác tổ chức và triển khai Hội thi; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Tổ chức và Tổ Thư ký.

4. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023)

5. Thành lập Hội đồng Giám khảo, xây dựng Quy định đánh giá, xét giải thưởng và xét chọn đề tài dự thi toàn quốc; tổ chức đánh giá xét giải thưởng Hội thi.

6. Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và gửi tham dự Hội thi toàn quốc đúng thời hạn.

7. Xây dựng Thễ lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng

(Xem tiếp trang 15)

Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023

✍ NGUYỄN DUNG

Hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023 với chủ đề “Phụ nữ với Sở hữu trí tuệ - Thúc đẩy đổi mới sáng tạo”, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nói chung và phụ nữ nói riêng về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ (SHTT) trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thực hiện Công văn số 409/SHTT-NĐHT ngày 06/02/2023 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 549/KH-SKHCN ngày 11/4/2023 tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023.

Theo đó, các hoạt động Kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023 phải đảm bảo các yêu cầu như sau: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2023 với nhiều hình thức thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Các nội dung triển khai phải thể hiện rõ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của SHTT trong cuộc sống, công việc chuyên môn, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Tạo sức lan tỏa, ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng; kêu gọi các tổ chức, cá nhân cùng chung tay thúc đẩy và phát triển SHTT.

Các sự kiện được tổ chức gồm :

- *Tổ chức tập huấn về sở hữu trí tuệ:* Nội dung tập huấn về các quy định công nhận sáng kiến theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành điều lệ sáng kiến, cho các đối tượng là lãnh đạo và cán bộ chuyên môn phụ trách công tác sáng kiến tại các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh; phòng giáo dục các

huyện, thị xã, thành phố. Thời gian dự kiến: ngày 25/4/2023.

- *Tổ chức tọa đàm “Vai trò của phụ nữ trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo”:* Nội dung chủ yếu là gặp mặt, giao lưu giữa doanh nghiệp thành công do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp khởi nghiệp do phụ nữ làm chủ, các nhà khoa học nữ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Trao đổi, thảo luận các giải pháp gắn kết, phát huy mối quan hệ giữa nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà quản lý trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo đối với phụ nữ; Tuyên dương các tấm gương phụ nữ sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Đối tượng là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp khoa học và kỹ thuật tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh; Lãnh đạo các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh; Một số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; Các nữ cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Thời gian dự kiến: ngày 26/4/2023.

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao trong năm 2023 tại Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2023 ■

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2022

✍ MINH PHƯƠNG



Ông Bùi Duy Nghĩa - Phó Giám đốc Trung tâm thông tin SHTT, Cục SHTT trao đổi tại buổi tọa đàm “Về đẹp của sự sáng tạo”.

Trong năm 2022, lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT) của tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý nhà nước và đem lại lợi ích thiết thực cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực SHTT trên địa bàn tỉnh năm qua đã tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bảo

hộ và phát triển quyền sở hữu công nghiệp đạt kết quả tốt. Trong năm, toàn tỉnh đã nộp 164 đơn đăng ký nhãn hiệu, 01 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp và được Cục SHTT cấp 113 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, 1 văn bằng giải pháp hữu ích (so với năm 2021, số đơn giảm 27%, số văn bằng tăng 4%). Bên cạnh đó, thực hiện hướng dẫn cho 35 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp, có chủ trương, cho phép sử dụng địa danh “Phổ Phong” để bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm “Chôi đốt Phổ Phong”, sử dụng địa danh “Sa Huỳnh” để bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Dưa hấu Sa Huỳnh”, sử dụng địa danh “Hành Thịnh” để bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Sen Hành Thịnh”, sử dụng địa danh “Bình Hiệp” để bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Keo giống Bình Hiệp”.

Nhằm đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến những kiến thức, chính sách của nhà nước và quảng bá hình ảnh về hoạt động lĩnh vực SHTT của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lớp tập huấn “Sở hữu trí tuệ trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học” và tổ chức buổi tọa đàm “Về đẹp của sự sáng tạo” nhằm hưởng ứng Ngày Đổi mới sáng



Logo thương hiệu của doanh nghiệp được trưng bày, giới thiệu tại triển lãm.

tạo thể giới và Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2022; xây dựng trailer “Đổi mới sáng tạo – động lực để phát triển” và Landing page giới thiệu chương trình “Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030”. Qua các hoạt động được triển khai, lĩnh vực SHTT được các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quan tâm nhiều hơn, từng bước hình thành và tạo dựng văn hóa SHTT trong cộng đồng. Bên cạnh đó, Sở tổ chức 02 hội thảo về quản lý, khai thác phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) quế Trà Bồng và tỏi Lý Sơn với 160 lượt người tham gia. Thông qua hội thảo giúp cho việc quản lý CDĐL được thực hiện theo quy định và góp phần đưa sản phẩm mang CDĐL ra thị trường đảm bảo nguồn gốc, chất lượng, thúc đẩy mở rộng thị trường và tạo niềm tin đối với người tiêu dùng.

Để đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của Trung

ương: Nhiệm vụ: “Xác lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo nếp ngự Sa Huỳnh của thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi” và dự kiến thực hiện trong năm 2023 gửi Cục SHTT. Đồng thời, thực hiện việc tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án bắt đầu thực hiện năm 2022 đối với dự án: “Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Thỏ bách thảo” theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất nguồn gốc, chất lượng”.

Nhằm thúc đẩy phong trào sáng tạo phục vụ công tác dạy học trên địa bàn tỉnh, Sở tiếp nhận 67 hồ sơ sáng kiến của ngành giáo dục. Qua đánh giá, Sở đã tham mưu Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh đánh giá hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng của 47 hồ sơ sáng kiến và Chủ tịch UBND tỉnh công nhận 47 sáng kiến có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh cho các cá nhân thuộc ngành giáo dục và đào tạo, năm học 2021-2022.

Hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực SHTT đã góp phần nâng cao kiến thức về SHTT cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; giúp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện tốt việc bảo hộ và phát triển quyền sở hữu công nghiệp và tăng cường bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm cho các địa phương của tỉnh phát triển trong thời gian đến ■

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2022

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Hoạt động xây dựng HSTKNĐMST trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Hoạt động truyền thông xây dựng văn hóa KNĐMST đã đi vào chiều sâu với sự vào cuộc của các địa phương, các ban, ngành và các trường đại học, cao đẳng; Các thành tố cơ bản hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp trong tỉnh đã lần lượt được hình thành và từng bước kết nối với nhau, kết nối với các tổ chức, các nhân khởi nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp bên ngoài theo hướng hệ sinh thái mở...

Nâng cao nhận thức về xây dựng HSTKNĐMST, văn hóa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Trong năm 2022, hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) được tổ chức rộng khắp với nhiều hình thức khác nhau như trên mạng xã hội, Báo, Đài, Cổng thông tin khởi nghiệp,... Fanpage Khởi nghiệp Sáng tạo Quảng Ngãi được thường xuyên cập nhập thông tin liên quan đến hoạt động khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh cùng một số địa phương với hơn 6.800 người theo dõi. Các thông tin, bài viết về phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, điển hình khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh thường xuyên được đăng tải trên Báo điện tử Quảng Ngãi, Cổng thông tin Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quảng Ngãi; Chương trình Gameshow “Tự tin, Sáng



Chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.

tạo, Khởi nghiệp” được phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Các sự kiện được các cấp, ngành, địa phương tổ chức rộng khắp như: Tọa đàm chia sẻ về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Làng du lịch cộng đồng Bình Thành với chủ đề: “Khởi nghiệp sáng tạo từ mô hình du lịch cộng đồng”; Chương trình “Mùa hè khởi nghiệp cho sinh viên, học sinh” tại huyện Lý Sơn; Chương trình tọa đàm “Về quê khởi nghiệp - Khởi động

kinh tế quê mình” tại Huyện Bình Sơn; tập huấn chia sẻ tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại Trường đại học Phạm Văn Đồng, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh – Phân hiệu Quảng Ngãi, Trường Đại học Tài chính – Kế toán, Trường cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc; Trường THPT Lương Thế Vinh...; Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực kinh doanh, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả

thi; Diễn đàn truyền cảm hứng giúp phụ nữ tự tin khởi nghiệp; Tuần lễ thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên tại trường Đại học Phạm Văn Đồng; Diễn đàn thúc đẩy tư duy sáng tạo, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi...

Cuộc thi KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 4 đã vinh danh và trao giải cho 6 dự án, ý tưởng xuất sắc. Cụ thể, 01 giải nhất: Dự án Tắm lợp lấy sáng có ống thông gió để lắp quả cầu thông gió của tác giả Đinh Tiến Hùng; 01 giải nhì: Dự án Triển khai mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua hoạt động quản lý khai thác hợp lý nguồn lợi rong Mơ tại Quảng Ngãi của Công ty TNHH MTV Serichoice; 2 giải ba: Dự án Nuôi trồng Đông Trùng Hạ Thảo trên giá thể là Gạo Lúa Rẫy được trồng tại miền núi của huyện Trà Bồng của Cơ sở sản xuất Đông Trùng Hạ Thảo Núi Cà Đam và Giải pháp xử lý nước thải bằng vi tảo của tác giả Nguyễn Quốc Vương; 2 giải khuyến khích: Dự án Làng du lịch cộng đồng Bình Thành của Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ và Du lịch Cộng đồng Bình Thành; Dự án Nước quế CADAM của tác giả Nguyễn Thế Chu. Đây là sân chơi bổ ích tạo điều kiện cọ sát cho các dự án, ý tưởng khởi nghiệp trên địa bàn, đồng thời truyền cảm

hứng khởi nghiệp và xây dựng văn hóa khởi nghiệp trong cộng đồng; nâng cao nhận thức về KNĐMST, nâng cao năng lực cho hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hệ sinh thái KNĐMST của tỉnh phát triển.

Thúc đẩy mối liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường

Điểm nhấn trong hoạt động thúc đẩy mối liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái trong năm 2022 là chuỗi sự kiện gồm: Hội nghị tập huấn sáng tạo, chuyển đổi để bứt phá với chủ đề “Giải pháp công nghệ về cơ khí chế tạo và tự động hóa

tìm ra giải pháp kết nối các thành tố quan trọng trong hệ sinh thái để thúc đẩy hệ sinh thái KNĐMST phát triển; Chương trình Cà phê doanh nhân “Kết nối, Xúc tiến và Giao thương” nhằm kết nối, xúc tiến, giao thương giữa các doanh nghiệp, chuyên gia, đơn vị cung cấp giải pháp. Qua chuỗi sự kiện đã có 20 biên bản ghi nhớ được ký kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với chuyên gia và các tổ chức hỗ trợ, tư vấn chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại.

Trong năm 2022 đã hỗ trợ 09 lượt doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn



Hội thảo “Hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi - Kết nối, vươn tầm”.

trong sản xuất, chế biến và phân phối nông lâm thủy sản”, tham quan thực tế tại các cơ sở sản xuất có ứng dụng và nhu cầu ứng dụng giải pháp công nghệ về cơ khí chế tạo và tự động hóa tiêu biểu; Hội thảo “Hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Quảng Ngãi, Kết nối - vươn tầm” nhằm

tính tham gia triển lãm tại ngày hội khởi nghiệp tại các tỉnh lân cận; Hỗ trợ kinh phí triển khai cho 05 ý tưởng KNĐMST trong lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; Hỗ trợ cho 05 doanh nghiệp khởi nghiệp các gói truyền thông, xây dựng thương hiệu, xây



Chương trình kết nối phát triển Doanh nghiệp gắn với Đổi mới Sáng tạo tại Quảng Ngãi.

dựng mô hình chiến lược thị trường. Các hoạt động trên đã tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh kết nối chia sẻ kinh nghiệm và quảng bá sản phẩm.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp khởi nghiệp được kết nối và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và xuất khẩu cũng như tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển thương mại điện tử như: Xây dựng website thương mại điện tử; Xây dựng thương hiệu trực tuyến; Tham gia trên các sàn thương mại điện tử lớn của Việt Nam (Shopee, Lazada); Truy xuất nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Quảng Ngãi; Xây dựng, phát triển bộ thương hiệu trực tuyến; Triển lãm trực tuyến trên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

Hình thành, phát triển hệ thống hỗ trợ cho hoạt

động KNĐMST

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang có 05 câu lạc bộ KNĐMST đã được thành lập. Trong năm 2022, huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh cũng đã thành lập ban vận động và thực hiện các thủ tục để thành lập câu lạc bộ KNĐMST tạo tại 02 huyện nói trên. Các câu lạc bộ được thành lập mới đều gắn với các điểm bán sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm OCOP của địa phương.

Đã kết nối, hướng dẫn

thành lập được 01 Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, 01 vườn ươm doanh nhân đổi mới sáng tạo (tư nhân) với chức năng ươm tạo doanh nhân - doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ toàn diện hỗ trợ cho doanh nghiệp, tư vấn triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đề tạo không gian trung bày, quảng bá sản phẩm của các doanh nghiệp KNĐMST, không gian làm việc chung, tổ chức sự kiện, cung cấp dịch vụ, đào tạo, đầu tư, hỗ trợ đầu tư và các dịch vụ cần thiết khác cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ đang xây dựng Dự thảo Đề án hình thành Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

Trong năm, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã tổ chức lớp tập huấn cố vấn khởi nghiệp cho 30 đại diện



Tập huấn luyện hoàn thiện mô hình kinh doanh cho các dự án tham gia Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 4, năm 2022.

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Bước đầu lớp tập huấn đã khơi gợi, giúp đại diện các doanh nghiệp tiếp cận với các khái niệm, ý nghĩa, kỹ năng của hoạt động cố vấn khởi nghiệp. Riêng chương trình tập huấn cho đội ngũ tư vấn đi sâu vào các kỹ năng tư vấn khởi nghiệp kết hợp với thực tế đã cấp giấy chứng nhận cho 60 cá nhân (30 cá nhân là cán bộ các sở, ngành, địa phương; 30 cá nhân là giảng viên, giáo viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung học

phổ thông trên địa bàn tỉnh). Đây cũng chính là mạng lưới trực tiếp tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn và truyền cảm hứng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào sâu trong cộng đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, HSTKNĐMST trên địa bàn tỉnh cũng còn những tồn tại cần được quan tâm trong thời gian tới như: Các dự án sau khi được tuyển chọn qua các cuộc thi chưa được hỗ trợ ươm tạo để phát triển mạnh ra thị trường; Các tổ

chức hỗ trợ KNĐMST trên địa bàn tỉnh còn thiếu và yếu; Chưa hình thành được không gian làm việc chung và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Các doanh nghiệp khởi nghiệp mới hình thành thường gặp nhiều khó khăn về tài chính, kinh nghiệm thị trường để tồn tại và phát triển nhưng đến nay vẫn chưa có cơ chế tài chính hỗ trợ trực tiếp, thiết thực cho các doanh nghiệp KNĐMST ■

Kế hoạch tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 8)



Trao giải cho các giải pháp đạt giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 12 (2020-2021).

Ngãi lần thứ 14 (2024-2025):

8. Tổ chức tổng kết Hội thi lần thứ 13 (2022-2023) và Phát động Hội thi lần thứ 14 (2024-2025): Biên soạn và xuất bản Kỷ yếu; xây dựng Phim tư liệu về Kết quả Hội thi lần thứ 13 (2022-2023); tham mưu các thủ tục khen thưởng và các nội dung liên quan khác.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh là cơ quan thường trực, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chủ trì tổ chức Hội thi.

Theo Kế hoạch, thời gian tổ chức tiếp nhận hồ sơ tham dự Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023): Tháng 5, 6, 7/2023. Thời gian tổ chức tổng kết Hội thi lần thứ 13 (2022-2023): Tháng 11/2023.

Thông qua kết quả Hội thi, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh theo dõi và đề cử các doanh nghiệp điển hình sáng tạo tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng kịp thời, đề nghị Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tôn vinh Danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo” và xem xét giới thiệu các doanh nghiệp tiêu biểu tham gia dự thi các cuộc thi mang tính khu vực, quốc tế ■

Đánh giá hiệu quả điều trị rối loạn lo âu lan tỏa bằng liệu pháp tâm lý nhận thức - hành vi kết hợp thuốc hóa dược tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi

✍️ MAI ANH

Rối loạn lo âu lan tỏa là rối loạn sức khỏe tâm thần thường gặp, tỷ lệ mắc cao, cộng với sự đổ vỡ do rối loạn lo âu nói chung và rối loạn lo âu lan tỏa nói riêng gây ra trong cuộc sống khiến nó trở thành gánh nặng đối với người bệnh, gia đình và toàn xã hội. Rối loạn này có thể chữa trị khỏi và nếu được chữa trị sẽ giúp một lực lượng lớn người trưởng thành tái hòa nhập cuộc sống; ngược lại, khi không được chữa trị, tiến triển điển hình là mạn tính, có tỷ lệ hồi phục thấp và dễ tái phát. Ở Việt Nam, bệnh lý này được chữa trị chủ yếu là điều trị triệu chứng bằng hóa dược kéo dài vừa gây tốn kém, vừa có nguy cơ phụ thuộc thuốc, tác dụng phụ, tái phát cao, không hoặc khó giải quyết được các rối loạn nhân cách và hành vi kèm theo. Việc trị liệu tâm lý dựa trên việc tìm hiểu quá trình hình thành, cơ chế phát triển và các yếu tố duy trì rối loạn lo âu lan tỏa, từ đó giải quyết được gốc rễ các vấn đề về hành

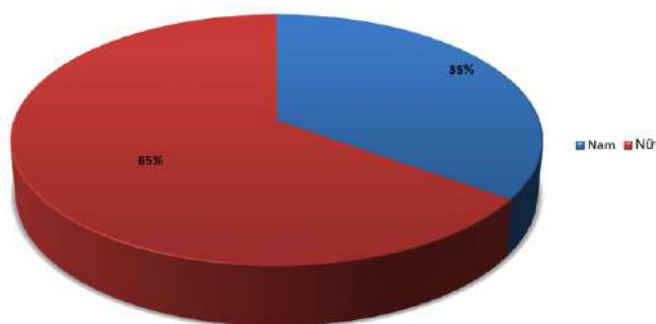


Khu khám chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi.

vi tránh né, nhận thức sai lệch, cảm xúc lo âu, góp phần trị liệu khỏi hoặc đỡ rối loạn lo âu, cho hiệu quả bền vững hơn. Từ đó, Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi nghiên cứu đề tài: “Đánh giá hiệu quả điều trị rối loạn lo âu lan tỏa bằng liệu pháp tâm lý nhận thức – hành vi kết hợp thuốc hóa dược tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi”.

Đề tài nghiên cứu đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu cho thấy: Về giới tính của đối tượng nghiên cứu là đối tượng nghiên cứu nữ chiếm tỷ lệ 65,0% (39/60 người bệnh), đối tượng nghiên cứu nam

chiếm tỷ lệ 35,0% (21/60 người bệnh), tỷ lệ nữ/nam xấp xỉ 1,86/1. Tuổi của đối tượng nghiên cứu là nhóm tuổi 46-55 chiếm tỷ lệ cao nhất 36,7%, kể cả nhóm giới tính nam 33,3% và nữ 38,5%; nhóm tuổi 18-25 chiếm tỷ lệ thấp nhất 1,7%, nhóm tuổi này chiếm tỷ lệ thấp nhất ở giới nam và nữ; tuổi trung bình chung của đối tượng nghiên cứu 53,4 tuổi, tuổi trung bình của nhóm nữ 54,72 tuổi, tuổi trung bình của nhóm nam 50,95 tuổi. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu có trình độ trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất 40,0%, giống nhau ở nhóm



Biểu đồ: Giới tính của đối tượng nghiên cứu (n=60).

nam 33,3% và nhóm nữ 43,6%, trình độ chiếm tỷ lệ thấp nhất là đại học trở lên 5,0%; đại học trở lên ở nhóm nữ không có đối tượng nào (0%), trình độ chiếm tỷ lệ thấp nhất ở nhóm nam là trung cấp, cao đẳng 9,5%. Tình trạng hôn nhân của đối tượng nghiên cứu là phần lớn đối tượng nghiên cứu đã kết hôn 81,7%, tương tự ở nam 71,4% và nữ 87,2%, nhóm góa chiếm tỷ lệ thấp nhất 5,0%; ở nữ, không có đối tượng chưa kết hôn (0%), ở nam, tình trạng hôn nhân chiếm tỷ lệ thấp nhất là ly thân, ly dị và góa đều đạt

4,8%. Nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là nông dân 41,7%, giống ở nhóm nam 47,6% và nữ 38,5%, nghề nghiệp chiếm tỷ lệ thấp nhất là trí thức 3,3%, ở nhóm nữ, nghề nghiệp có tỷ lệ thấp nhất là trí thức và lao động tự do đều chiếm 2,6%, không có người bệnh là nam nào làm nội trợ. Nơi sống, dân tộc, tôn giáo của đối tượng nghiên cứu là phần lớn đối tượng nghiên cứu sống ở nông thôn 83,3%, tương tự ở nam 85,7% và nữ 82,1%; hầu hết đối tượng nghiên cứu là dân tộc Kinh 96,7%, tương tự ở nam 95,2% và

nữ 97,4%; đa số đối tượng nghiên cứu không theo tôn giáo 85,0%, tương tự ở nam 81,0% và nữ 87,2%.

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng rối loạn lo âu lan tỏa của đề tài cho thấy, đặc điểm tiền sử, bệnh sử của đối tượng nghiên cứu là tỷ lệ khám ban đầu ở chuyên khoa tâm thần chỉ đạt 26,7%, thấp ở nam 28,6% và nữ 25,6%, phần lớn đối tượng nghiên cứu khám ban đầu ở các chuyên khoa khác 73,3%, tương tự ở nam 71,4% và nữ 74,4%; thời gian mắc rối loạn lo âu lan tỏa trung bình khoảng 3,7 năm, ở nhóm nam gần 4,2 năm, nhóm nữ gần 3,5 năm; hầu hết khởi phát lo âu một cách từ từ 91,7%, tương tự ở nam 90,5% và nữ 92,3%, khởi phát lo âu đột ngột chiếm tỷ lệ 8,3%, tương tự ở nam 9,5% và nữ 7,7%; phần lớn đối tượng nghiên cứu có sang chấn tâm lý 63,3%, sang chấn

Bảng đặc điểm lâm sàng triệu chứng kèm theo lo âu của người bệnh rối loạn lo âu lan tỏa (n=60)

Triệu chứng kèm theo SL	Nam (n=21)		Nữ (n=39)		Chung (n=60)	
	%	SL	%	SL	%	
Mất thư giãn hoặc cảm giác kích động, bực bội	15	71,4	27	69,2	42	70,0
Dễ bị mệt mỏi	13	61,9	23	59,0	36	60,0

Khó tập trung chú ý hoặc đầu óc trống rỗng	10	47,6	24	61,5	34	56,7
Dễ cáu gắt	11	52,4	17	43,6	28	46,7
Căng cứng cơ bắp	9	42,9	16	41,0	25	41,7
Rối loạn giấc ngủ	20	95,2	35	89,7	55	91,7
Trong đó:						
<i>Khó vào giấc ngủ</i>	17	81,0	30	76,9	47	78,3
<i>Khó giữ giấc ngủ</i>	12	57,1	24	61,5	36	60,0
<i>Khó chịu khi thức giấc</i>	6	28,6	11	28,2	17	28,3

tâm lý 63,3%, sang chấn trường diễn chiếm tỷ lệ hơn một nửa 55,0%, chủ đề hay gặp nhất là gia đình 36,7%, tai nạn - bệnh tật 23,3%, kinh tế 21,7%, công việc, học tập 10,0%, ít gặp nhất là chủ đề sang chấn xã hội 3,3%; bệnh lí tâm thần kết hợp hay gặp nhất là trầm cảm 18,3%, tỷ lệ ở nữ 20,5%, tỷ lệ ở nam 14,3%, ở nữ có 7,7% kết hợp lo âu khác, nam không có trường hợp nào, ngược lại ở nam 9,5% có rối loạn hành vi kết hợp, nữ không có trường hợp nào; ở nam sử dụng thuốc lá, cà phê kết hợp chiếm tỷ lệ cao nhất 33,3%, rượu bia thấp hơn 19,0%, ở nữ cả 3 loại chất kết hợp đều chiếm tỷ lệ ngang nhau 5,1%. Về đặc điểm lâm sàng rối loạn lo âu lan tỏa có tổng điểm trung bình của đối tượng nghiên cứu

gần 58, với độ lệch chuẩn 4,879, tổng điểm ở nhóm nam gần 57, ở nhóm nữ hơn 58, độ lệch chuẩn lần lượt ở giới nam, nữ xấp xỉ nhau (4,963 ở nam, 4,801 ở nữ). Theo thang đánh giá lo âu Zung, mức độ lo âu chiếm tỷ lệ cao nhất là mức độ vừa 63,3%, tương tự ở nam 57,1% và ở nữ 66,7%, nhóm mức độ nhẹ chiếm tỷ lệ thấp nhất 6,7%, tương tự ở nam 9,5% và ở nữ 5,1%; triệu chứng kèm theo hay gặp nhất là rối loạn giấc ngủ 91,7%, kết quả tương tự ở nhóm nam 95,2% và nữ 89,7%, khó đi vào giấc ngủ là thường gặp nhất 78,3%; triệu chứng căng cứng cơ bắp là ít gặp nhất 41,7%, ở nam và nữ cũng như vậy, lần lượt chiếm tỷ lệ 42,9% và 41,0%; người bệnh có số chủ đề lo âu thường gặp nhất là 3 chủ

đề 53,3%, tương tự ở nam 47,6% và nữ 56,4%, 5 chủ đề lo âu ít gặp nhất 1,7% và chỉ có ở nữ 2,6%, số chủ đề lo âu trung bình của đối tượng nghiên cứu gần bằng 3 với độ lệch chuẩn 0,72, số chủ đề và độ lệch chuẩn tương đương nhau giữa 2 giới. Theo thang DASS-42, đối tượng nghiên cứu có biểu hiện triệu chứng trầm cảm 35,0%, riêng rẽ ở nam 28,6% và nữ 38,5%, biểu hiện stress chiếm tỷ lệ 21,7%, lần lượt ở nam 14,3%, nữ 25,6%. So sánh một số yếu tố giữa 2 nhóm can thiệp là không có sự khác biệt về các yếu tố tuổi trung bình, điểm thang đánh giá lo âu Zung, số chủ đề lo âu trong ngày giữa 2 nhóm can thiệp ($p>0,05$); không có sự khác biệt về yếu tố giới, điều kiện kinh tế, mức độ lo âu, một số

☞ *Bảng chẩn đoán xác định rối loạn lo âu lan tỏa theo DSM-5 qua các thời điểm đánh giá*

Rối loạn lo âu lan tỏa	T0		T1		T2		T3	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Có	30	100	23	76,7	4	13,3	3	10,0
Không	0	0	7	23,3	26	86,7	27	90,0
Tổng	30	100	30	100	30	100	30	100

vấn đề tâm thần kèm theo (rối loạn trầm cảm, lo âu khác, rối loạn hành vi, sử dụng chất gây nghiện) giữa 2 nhóm can thiệp ($p>0,05$).

Đề tài nghiên cứu hiệu quả điều trị cho thấy hiệu quả điều trị của nhóm điều trị bằng liệu pháp tâm lý nhận thức – hành vi kết hợp thuốc hóa dược (nhóm 1) là có sự thuyên giảm các trường hợp thỏa mãn rối loạn lo âu lan tỏa theo DSM-5 qua các thời điểm đánh giá từ T0 (100%) đến T1 (76,7%), T2 (13,3%) và T3 (10,0%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm T1, T2 và T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 và T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng khó kiểm soát lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 và T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm các triệu

chứng kèm theo (mất ngủ hoặc cảm giác kích động, bực bội; dễ bị mệt mỏi; khó tập trung chú ý hoặc đầu óc trống rỗng; dễ cáu gắt; căng cứng cơ bắp; rối loạn giấc ngủ) qua các thời điểm đánh giá, triệu chứng khó tập trung chú ý hoặc đầu óc trống rỗng chỉ có sự khác biệt tại thời điểm T3 ($p<0,05$), các triệu chứng khác có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại cả thời điểm T2 và T3 ($p<0,05$); điểm số thang đánh giá lo âu Zung cải thiện qua các thời điểm T1, T2 đến T3, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$); có sự thuyên giảm mức độ lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 và T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng trầm cảm, stress theo DASS-42 qua các thời điểm đánh giá, chỉ có thuyên giảm triệu chứng trầm cảm có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T3 ($p<0,05$),

triệu chứng stress thì không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$).

Hiệu quả điều trị của nhóm điều trị bằng thuốc hóa dược (nhóm 2) là có sự thuyên giảm các trường hợp thỏa mãn rối loạn lo âu lan tỏa theo DSM-5 qua các thời điểm đánh giá từ T0 (100%) đến T1 (83,3%), T2 (53,3%) và T3 (26,7%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2, T3 ($p<0,05$), không có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T1 ($p>0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng khó kiểm soát lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T3 ($p<0,05$); có sự thuyên giảm các triệu chứng kèm theo (mất ngủ hoặc cảm giác kích động, bực bội; dễ bị mệt mỏi; khó tập trung chú ý ☞

hoặc đầu óc trống rỗng; dễ cáu gắt; căng cứng cơ bắp; rối loạn giấc ngủ) qua các thời điểm đánh giá, chỉ có triệu chứng rối loạn giấc ngủ có sự khác biệt tại thời điểm T2 và T3 ($p < 0,05$) và triệu chứng mất thư giãn hoặc cảm giác kích động, bực bội có sự khác biệt tại thời điểm T3 ($p < 0,05$), các triệu chứng khác sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê tại tất cả thời điểm đánh giá ($p > 0,05$); điểm số thang đánh giá lo âu Zung cải thiện qua các thời điểm T1, T2 đến T3, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$); có sự thuyên giảm mức độ lo âu qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 và T3 ($p < 0,05$); có sự thuyên giảm triệu chứng trầm cảm, stress theo DASS-42 qua các thời điểm đánh giá, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá ($p > 0,05$).

Qua đó, đề tài so sánh hiệu quả điều trị của nhóm điều trị bằng liệu pháp tâm lý nhận thức – hành vi kết hợp thuốc hóa dược (nhóm 1) và nhóm điều trị bằng thuốc hóa dược (nhóm 2). Rối loạn lo âu lan tỏa theo DSM-5 qua các thời điểm đánh giá cho hiệu quả điều trị triệu chứng lo

âu giữa nhóm 1 và nhóm 2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 ($p < 0,05$), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T1 và T3 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng lo âu giữa nhóm 1 và nhóm 2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T3 ($p < 0,05$), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T1 và T2 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng khó kiểm soát lo âu giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá T1, T2 và T3 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng mất thư giãn hoặc cảm giác kích động, bực bội giữa nhóm 1 và nhóm 2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm T2 ($p < 0,05$), tại các thời điểm khác (T1 và T3) sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng dễ bị mệt mỏi giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá T1, T2 và T3 ($p > 0,05$); hiệu quả

điều trị triệu chứng dễ cáu gắt giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá T1, T2 và T3 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng căng cứng cơ bắp giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá T1, T2 và T3 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị triệu chứng rối loạn giấc ngủ giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá T1, T2 và T3 ($p > 0,05$). Kết quả thang đánh giá lo âu Zung cho hiệu quả điều trị cải thiện điểm thang đánh giá lo âu Zung giữa nhóm 1 và nhóm 2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T2 và T3 ($p < 0,05$), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê tại thời điểm T1 ($p > 0,05$); hiệu quả điều trị giảm mức độ lo âu giữa nhóm 1 và nhóm 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê tại các thời điểm đánh giá ($p > 0,05$).

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy việc điều trị rối loạn lo âu lan tỏa bằng liệu pháp tâm lý nhận thức – hành vi phối hợp với thuốc hóa dược chính là giải pháp đem lại hiệu quả cao, lâu dài cho người bệnh ■

SẢN XUẤT ỚT THƯƠNG PHẨM THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP

✍ ANH KHUÊ

Mô hình sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP do Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế triển khai ở xã Nghĩa Hiệp đã góp phần nâng cao được nhận thức và năng lực của người dân trong sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn.

Mô hình sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP được thực hiện tại HTX Nông nghiệp Tây Hiệp, xã Nghĩa Hiệp trên diện tích 1 ha, với 13 hộ tham gia. Giống ớt sử dụng trong mô hình là giống ớt hai mũi tên đỏ HMT95. Mô hình áp dụng quy trình kỹ thuật VietGAP theo TCVN 11892-1:2017. Cụ thể: Đất trồng, chọn đất không bị ô nhiễm, không chịu ảnh hưởng của chất thải công nghiệp, bệnh viện và các nguồn ô nhiễm khác, đáp ứng QCVN 03-MT:2015/BTNMT, lượng kim loại nặng cho phép trong tầng đất mặt đối với đất nông nghiệp là (mg/kg đất khô): As (15,0), Cd (1,5), Pb (70,0), Cr (150,0), Cu (100,0) và Zn (200,0). Nguồn nước tưới là nước sạch: nước sông có dòng chảy luân chuyển không bị ô nhiễm hoặc nước giếng khoan sạch đáp ứng hạng A2, và khi rửa sản phẩm, sơ chế đáp ứng hạng A1 của QCVN 08-MT: 2015/BTNMT. Không sử dụng phân chuồng tươi hoặc nước phân tươi để bón hoặc tưới. Áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM.



Hội nghị đầu bờ mô hình sản xuất ớt thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP ở xã Nghĩa Hiệp, huyện tư Nghĩa.

Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng. Sử dụng nhân lực bắt giết sâu. Sử dụng các chế phẩm sinh học trừ sâu bệnh hợp lý. Kiểm tra đồng ruộng phát hiện và kịp thời có biện pháp quản lý thích hợp đối với sâu, bệnh. Khuyến cáo phòng trừ theo quy tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc. Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi thật cần thiết và theo các yêu cầu sau: Không sử dụng loại thuốc cấm sử dụng cho rau; ưu tiên sử dụng thuốc sinh học và thảo mộc, trong trường hợp buộc phải sử dụng thuốc hóa học người dân nên sử dụng thuốc có độ độc nhóm 4 (nhân màu xanh). Thu hoạch đảm bảo thời gian cách ly sau khi

phun thuốc bảo vệ thực vật.

ThS. Lê Khắc Phúc, Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế cho biết: Các hộ tham gia mô hình được tập huấn, hướng dẫn về quy trình sản xuất rau an toàn; hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ kiến thức sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, cập nhật danh mục các hoạt chất bị cấm trong sản xuất rau; kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất và trước thu hoạch.

Mô hình bắt đầu xuống giống trồng vào ngày 15/12/2022 với mật độ trồng 33.000 cây/ha (3,3 cây/m²). Khoảng cách cây 40cm; khoảng cách hàng 60cm. Đất được phơi ải, cây bừa

☞ kỹ, nhặt sạch cỏ dại, bón vôi trước khi trồng 10-15 ngày. Luống rộng 1,4m, mặt luống 90 cm, cao 35 cm, rãnh luống rộng 40cm. Lượng phân bón cho 1 ha: Phân chuồng hoai mục 25 tấn; 300 kg Ure, 500 kg lân supe, 300 kg Kali. Nếu đất có độ pH dưới 5,5 bón thêm từ 400 vôi bột khi làm đất. Cách bón: Bón lót toàn bộ phân hữu cơ + toàn bộ phân lân + 1/3 phân đạm + 1/3 kali. Lượng đạm và kali còn lại chia đều bón thúc 4 lần: lần 1, sau trồng từ 15 đến 20 ngày, kết hợp xới vun; lần 2, khi cây ra nụ hoa, kết hợp xới vun; lần 3, khi cây ra quả rộ; lần 4, sau khi thu đợt 1.

Sau 63 ngày trồng, sản lượng ớt thu được (qua 4 đợt thu) của ruộng mô hình đạt 8.000kg, với giá bán 20.000 đồng/kg, mô hình thu về 160.000.000 đồng. Trong khi đó, ruộng đối chứng, sản lượng ớt đạt 7.680kg, giá bán 18.000 đồng/kg, tổng thu thập 138.240.000 đồng. Như vậy, so với ruộng đối chứng, ruộng ớt mô hình cho thu nhập cao hơn 21.760.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh Nam – hộ dân tham gia mô hình ở thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp cho biết: Trong quá trình thực hiện mô hình, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tư Nghĩa theo dõi,



Ông Nguyễn Thanh Nam – hộ dân tham gia mô hình ở thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

hướng dẫn chúng tôi tận tình để thực hiện đúng theo quy trình VietGAP. Tuy nhiên, vào cuối năm thời tiết mưa nhiều nên xuất hiện nhiều bệnh hại như thán thư, bệnh lở cổ rễ, chết cành... nên đã ảnh hưởng đến năng suất của mô hình. Thế nhưng, điều quan trọng là bà con chúng tôi biết được cách sử dụng các loại thuốc BVTV an toàn, ưu tiên sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học, hạn chế tối đa thuốc hoá học và cũng nhờ việc giảm sử dụng lượng phân hoá học nên đã giảm đáng kể chi phí sản xuất.

Ông Lê Thanh Tài, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tư Nghĩa cho biết: Việc triển khai sản xuất theo quy trình VietGAP đã giảm việc sử dụng thuốc BVTV xuống còn 35-38%, các hộ nông dân thực hiện đúng theo quy trình đã hướng dẫn. Ước tính khi kết thúc vụ trồng sẽ thu hoạch được toàn bộ (thu hoạch 7-8 lần/

vụ) khoảng 16 tấn/ha, so với ruộng đối chứng đem lại hiệu quả cao hơn, bà con nâng cao nhận thức trong việc sử dụng phân bón và thuốc BVTV; qua đó thay đổi thói quen sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn.

Từ kết quả đem lại, có thể thấy hiệu quả kinh tế của mô hình mới chỉ là một phần nhỏ mà quan trọng hơn là sự chuyển biến tích cực của người nông dân cả về nhận thức và hành động, giúp họ hiểu được rằng, trong sản xuất, kinh doanh, chất lượng sản phẩm mới là điều kiện tiên quyết và sống còn để duy trì và phát triển. Không những thế, sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP còn thúc đẩy sự kết nối giữa sản xuất với thị trường, từ đó mang lại lợi ích, thu nhập cao hơn cho người sản xuất, từng bước xây dựng thương hiệu cho rau, quả an toàn, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ■

QUẢNG NGÃI CÓ THÊM 36 SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM OCOP

UBND tỉnh vừa có Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đợt 2 năm 2022 thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Trong đợt này, có 04 sản phẩm được công nhận đạt hạng 4 sao, gồm: Sản phẩm Gạo lứt Ấn Trà (trắng, đỏ, tím), Trà gạo lứt Ấn Trà của Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT; Muối hầm, Muối tre SAHU của Công ty TNHH MTV Muối SAHU.

32 sản phẩm được công nhận đạt hạng 3 sao, gồm: Bánh tráng Trích Nhị; Trứng chim trĩ Bảo Trần; Trà Linh chi Thảo mộc; Trà túi lọc linh chi hạt sen; Ôi Bảy Đoàn; Dầu lạc (dầu phụng) Phở An; Dầu phụng Phở Nhơn; Nước mắm Bốn Huệ; Chối đốt Hành Thuận; Hạt sen khô Hành Thịnh; Rượu cần H're; Bộ sản phẩm từ mo cau (Chén, đĩa, muống); Đông trùng hạ thảo trên ký chủ nhộng tằm khô; Đông trùng hạ thảo ngâm mật ong; Nước rong biển - rong mơ; Nước rong biển - xu xoa; Tranh mo cau về các làng nghề truyền thống ở Quảng Ngãi; Chả lụa Lavi; Khoai lang men Tịnh Thọ; Dầu lạc Tịnh Thọ; Lục bình gốm Mỹ Thiện; Mực tằm bè; Chanh thơm Bình Thanh; Bò khô Nghĩa Ân; Chuối hột rừng sấy khô; Ớt xiêm rừng ngâm giấm; Cao Tỏi đen; Hành phi Lý



Chanh thơm Bình Thanh được công nhận sản phẩm OCOP hạng 3 sao.

ANH KHUÊ



Sản phẩm Trà gạo lứt Ấn Trà của Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT đạt hạng 4 sao.

Son; Tỏi củ Lý Sơn; Tỏi đen Lý Sơn; Tỏi Lý Sơn ngâm mật ong; Chả cá Hà Hải.

Đến nay, toàn tỉnh có 124 sản phẩm đạt OCOP 3-4 sao, trong đó có 09 sản phẩm đạt 4 sao và 115 sản phẩm đạt 3 sao. Đặc biệt, có 2 sản phẩm OCOP được công nhận là điểm du lịch nông thôn: Du lịch cộng đồng Làng Gò cò, thị xã Đức Phổ và du lịch Thành cổ, thành phố Quảng Ngãi.

Sản phẩm công nhận đạt các hạng sao nêu trên được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận; được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam và thứ hạng sao in trên bao bì sản phẩm theo quy định tại Quyết định 1162/QĐ-VPĐP-OCOP ngày 17/9/2020 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

Các chủ thể có sản phẩm đạt sao được UBND tỉnh quyết định tặng thưởng, cụ thể: Sản phẩm đạt 4 sao thưởng 10 triệu đồng và đạt 3 sao thưởng 8 triệu đồng. Kết quả công nhận phân hạng có giá trị trong 03 năm (36 tháng), kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

Năm 2023, tỉnh đề ra mục tiêu có 50 sản phẩm OCOP đạt từ 3-4 sao, trong đó 3-5 sản phẩm được UBND tỉnh cấp giấy Chứng nhận đạt 4 sao ■

MỘT SỐ NHÃN HIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ TRONG NĂM 2022

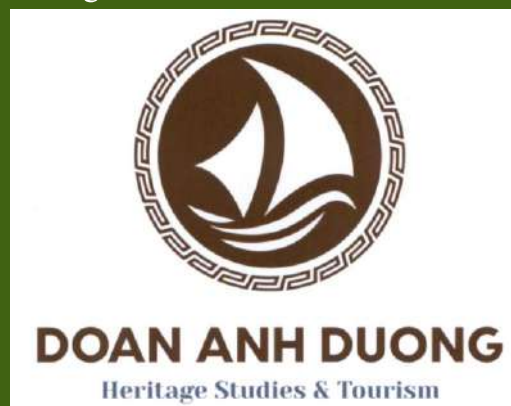
✍ CẨM NGUYỄN (tổng hợp)

Trong năm 2022, ở tỉnh ta có 189 đơn hợp lệ về nhãn hiệu, 1 đơn hợp lệ về kiểu dáng công nghiệp và đã có 106 văn bằng được cấp cho nhãn hiệu, 1 văn bằng được cấp cho sáng chế, 1 văn bằng được cấp cho giải pháp hữu ích. Trong nội dung dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số nhãn hiệu của tỉnh được chứng nhận bảo hộ:

1. Nhãn hiệu Mịch nha nếp Kim Hà của Lê Thị Kim Hà:



3. Nhãn hiệu DOAN ANH DUONG Heritage Studies & Tourism của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Đoàn ánh Dương:



2. Nhãn hiệu Bình Trung Măng Tây của Hợp tác xã Kinh doanh - Dịch vụ Nông nghiệp I Bình Trung:



4. Nhãn hiệu Chanh Hương HD của Hợp tác xã Nông nghiệp Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành:



(Xem tiếp trang 29)

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bắt đầu thực hiện từ năm 2023

 NGUYỄN DUNG

Ngày 11/4/2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã có Thông báo số 563/TB-SKHCN về việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025, bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

Các đề xuất nhiệm vụ phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg đối với nhiệm vụ do địa phương thực hiện và Kế hoạch số 11/KH-UBND; đáp ứng các yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN nhằm thúc đẩy năng suất trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN phải đảm bảo tính khả thi; phải trình bày cụ thể, rõ ràng theo các thông tin trong mẫu Phiếu đề xuất đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (<http://skh.quangngai.gov.vn>).

Nội dung đề xuất theo định hướng:

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng tại địa phương;

- Hỗ trợ doanh nghiệp các nội dung cụ thể như sau:

- + Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố;

- + Áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh;

- + Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp;

- + Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

Hạn cuối nhận Phiếu đề xuất trước 17 giờ 00 phút, ngày 25/5/2023.

Chi tiết xin liên hệ: Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

Điện thoại: 025538556004; 0905700368 (gặp bà Huỳnh Thị Phương Thu) ■

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

✍ TÍN DŨNG

Ngày 13/12/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND kèm theo QCDP 01:2023/QNg Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực từ ngày 25/02/2023.

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản

lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh.

Các đơn vị cấp nước thực hiện hoạt động khai thác, sản xuất nước sạch ở tỉnh, thành phố khác (ngoài địa bàn tỉnh) để cung cấp cho tỉnh không áp dụng Quy chuẩn này mà áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP) tại tỉnh, thành phố đơn vị có hoạt động khai thác, sản xuất.

Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
1	Coliform	CFU/100 ml	<3
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 ml	<1
<i>b. Thông số cảm quan và vô cơ</i>			
3	Arsenic (As) ^(*)	mg/l	0,01
4	Clo dư tự do ^(**)	mg/l	Trong khoảng 0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	2
6	Màu sắc	TCU	15
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5
Các thông số nhóm B			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus Aureus)	CFU/ 100ml	< 1

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas Aeruginosa)	CFU/ 100ml	< 1
<i>b. Thông số vô cơ</i>			
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3
12	Bari (Ba)	mg/L	0,7
13	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	0,3
14	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄)	mg/l	2
15	Clorua (Chloride - Cl ⁻) (***)	mg/l	250 (hoặc 300(***))
16	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	300
17	Fluor (F)	mg/L	1,5
18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	2
19	Mangan (Mn)	mg/l	0,1
20	Natri (Na)	mg/l	200
21	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/l	0,2
22	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	2
23	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	0,05
24	Sắt (Ferrum) (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	mg/l	0,3
25	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	250
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000
<i>Thông số hữu cơ</i>			
<i>Hydrocacbua thơm</i>			
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/l	1
<i>Thông số hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/l	100
29	Chlorpyrifos	µg/l	30
30	Permethrin	µg/l	20
<i>Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
31	Bromodichloromethane	µg/l	60
32	Bromoform	µg/l	100
33	Chloroform	µg/l	300
34	Dibromochloromethane	µg/l	100
35	Formaldehyde	µg/l	900
36	Monochloramine	µg/l	3,0
<i>Thông số nhiễm xạ</i>			

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

Chú thích:

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Dấu (***) chỉ áp dụng cho vùng ven biển và hải đảo.
- Dấu (-) là không có đơn vị tính.
- Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sinh hoạt thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau

$$C_{\text{nitrat}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrat}} + C_{\text{nitrit}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrit}} \leq 1$$

Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch

Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025.

Thông số chất lượng nước sạch nhóm A, B: Tất cả các đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm định kỳ theo quy định là tần suất thử nghiệm đối với thông số chất lượng nước sạch nhóm A không ít hơn 01 lần/1 tháng; tần suất thử nghiệm đối với thông số chất lượng nước sạch nhóm B không ít hơn 01 lần/6 tháng.



Hệ thống cấp nước sạch xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ.

Các đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT trong các trường hợp: Trước khi đi vào vận hành lần đầu; sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất; khi có sự cố về môi trường nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch; khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; định kỳ 03 năm một lần kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm

Số lượng mẫu lấy mỗi lần thử nghiệm đối với đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch; đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch và cứ thêm 100.000 dân sẽ lấy thêm 01 mẫu.

Vị trí lấy mẫu, 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới đường ống phân phối, 01 mẫu lấy ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối, các mẫu còn lại lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng cuối mạng lưới phân phối (bao gồm cả các phương tiện phân phối nước như xe

☞ bồn hoặc ghe chở nước).

Đối với cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, bệnh viện, trường học, doanh nghiệp, khu vực có bể chứa nước tập trung: Lấy ít nhất 02 mẫu gồm 01 mẫu tại bể chứa nước tập trung và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng. Nếu có từ 2 bể chứa nước tập trung trở lên thì mỗi bể lấy ít nhất 01 mẫu tại bể và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng.

Trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, tình hình dịch bệnh: Có thể tăng số lượng mẫu nước lấy tại các vị trí khác nhau để thử nghiệm.

Công bố hợp quy

Đơn vị cấp nước (trừ đơn vị cấp nước bán buôn, đơn vị cấp nước bán lẻ) phải tự tiến hành đánh giá hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN

ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.

Đơn vị cấp nước (trừ đơn vị cấp nước bán buôn, đơn vị cấp nước bán lẻ) phải tiến hành đánh giá hợp quy theo phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 5, Thông tư 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ và gửi bản tự công bố hợp quy về Sở Y tế theo mẫu tại Phụ lục số 02 theo Quy chuẩn này.

Quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ■

MỘT SỐ NHÃN HIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ...

(Tiếp theo trang 24)

5. Nhãn hiệu M T của Công ty TNHH giống cây trồng Miền Trung:



6. Nhãn hiệu Hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi Trà Phú của Hợp tác xã Dịch vụ chăn nuôi Trà Phú:



ISO/IEC 27001:2013: ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI DOANH NGHIỆP

ANH NGUYỄN

ISO 27001 là hệ thống tiêu chuẩn của Anh về hệ thống quản lý an ninh thông tin. Tiêu chuẩn ISO 27001 giúp quản lý an ninh thông tin một cách hiệu quả nhất. Thông tin ở đây bao gồm những dữ liệu được lưu lại dưới dạng điện tử; hoặc dữ liệu đã được in ra tùy thuộc vào quy mô và lĩnh vực hoạt động, mỗi tổ chức có thể có các phương thức tiếp cận khác nhau để xây dựng Hệ thống quản lý An toàn thông tin (ATTT) phù hợp. ISO 27001:2013 đề cập khá đầy đủ các yêu cầu đảm bảo ATTT của một tổ chức.

Theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001: 2013, thông tin và các hệ thống, quy trình, cán bộ liên quan đều là tài sản của tổ chức. Tất cả các tài sản đều có giá trị trong tổ chức và cần được bảo vệ thích hợp. Do thông tin tồn tại và được lưu trữ dưới nhiều hình thức khác nhau. Tổ chức phải có các biện pháp bảo vệ phù hợp để hạn chế rủi ro.

Bên cạnh những rủi ro về ATTT do bị tấn công phá hoại có chủ đích. Tổ chức cũng có thể gặp phải những rủi ro đối với thông tin. Nếu các quy trình quản lý, vận hành không đảm bảo; Việc quản lý quyền truy cập chưa được kiểm tra và xem xét định kỳ; Nhận thức của nhân viên trong việc sử dụng và trao đổi thông tin chưa đầy đủ... Do đó, ngoài các biện pháp kỹ thuật, tổ chức cần xây dựng và áp dụng các chính sách, quy định, quy



Khóa đào tạo “Đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số tại doanh nghiệp thông qua thực hiện hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013”

trình vận hành phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Hiện nay, ISO 27001 hệ thống quản lý an ninh thông tin; trở nên rất hiệu quả đối với các công ty, tổ chức. Và có thể đáp ứng nhu cầu tương lai của các tổ chức này. Vì công nghệ và các quy định luật pháp thay đổi liên tục. Nên các công ty, doanh nghiệp và tổ chức rất cần một đối tác chứng nhận có thể cung cấp về sự thay đổi của công nghệ và quy định pháp luật để xây dựng kế hoạch sao cho phù hợp nhất.

Sau đây là những lợi ích khi triển khai hệ thống quản lý an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:

- Đảm bảo an toàn thông tin của tổ chức đối tác và khách hàng; giúp cho hoạt động của tổ chức luôn thông suốt và an

toàn.

- Giúp hoạt động đảm bảo an toàn thông tin luôn được duy trì và cải tiến. Các biện pháp kỹ thuật và chính sách tuân thủ được xem xét, đánh giá hiệu quả và cập nhật định kỳ.

- Giúp nhân viên việc đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động nghiệp vụ thường ngày; Các sự cố an toàn thông tin do người dùng gây ra; sẽ được hạn chế tối đa khi nhân viên được đào tạo; nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.

- Đảm bảo hoạt động nghiệp vụ của tổ chức không bị gián đoạn bởi các sự cố liên quan đến an toàn thông tin.

- Nâng cao uy tín của tổ chức, tăng sức cạnh tranh; tạo lòng tin với đối tác, khách hàng; thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và tăng cơ hội hợp tác quốc tế ■

BẢY TIÊU CHÍ CỦA GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

✍ NGUYỄN TÚ

Giải thưởng Chất lượng quốc gia (GTCLQG) là hình thức tôn vinh, khen thưởng ở cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Tiêu chí xét thưởng GTCLQG được quy định tại Điều 27 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; cụ thể:

- GTCLQG được đánh giá theo các tiêu chí sau đây:
 - + Vai trò của lãnh đạo;
 - + Chiến lược hoạt động;
 - + Chính sách định hướng vào khách hàng và thị trường;
 - + Đo lường, phân tích và quản lý tri thức;
 - + Quản lý nguồn nhân lực;
 - + Quản lý quá trình hoạt động;
 - + Kết quả hoạt động.
- Tổng điểm tối đa của bảy tiêu chí này là 1.000 điểm.
- GTCLQG được tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt từ 600 điểm trở lên. Giải vàng chất lượng quốc gia được tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt từ 800 điểm trở lên.

Tại **Điều 25** của Nghị định này quy định hình thức giải thưởng như sau:

- Giải thưởng chất lượng quốc gia bao gồm:
 - + Giải vàng chất lượng quốc gia;
 - + Giải thưởng chất lượng quốc gia.
- Tổ chức, doanh nghiệp đạt giải được nhận cúp Giải thưởng chất lượng quốc gia, giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn tối đa 20 doanh nghiệp đạt Giải vàng chất lượng quốc gia xuất sắc nhất để đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ■

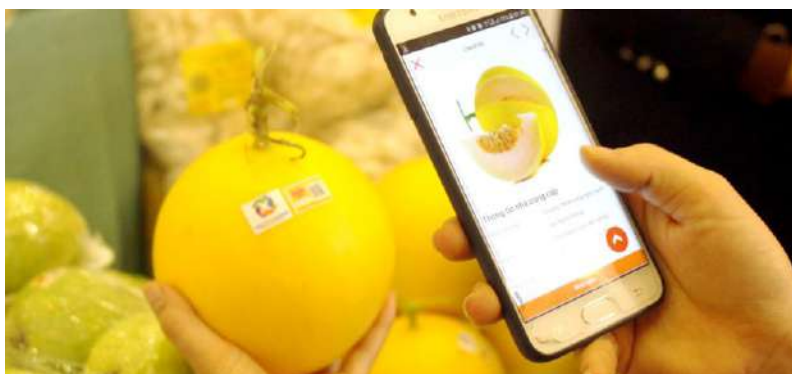
CÔNG NGHỆ CHECKVN TRONG HOẠT ĐỘNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Nhằm khắc phục tình trạng làm giả tem chống hàng giả, Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển (IDE) đã ra đời một quy trình xác thực với thuật toán bảo mật định danh cho từng sản phẩm công nghệ in bảo vệ hai lớp, cơ sở dữ liệu độc lập mang tên CheckVN.

Giải pháp CheckVN của IDE là giải pháp khoa học đã được Tổng cục cảnh sát (C41-C42) và Viện Khoa học Kỹ thuật Hình sự – Bộ Công An, thẩm định, đánh giá, giám định về bảo mật, chống giả và công nhận. Quy trình này đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền sáng chế số 1-0016036 được công bố vào ngày 25/11/2016.

Giải pháp CheckVN của IDE là nền tảng công nghệ số đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Khoa học và Công nghệ lập Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá và cho phép ứng dụng vào truy xuất nguồn gốc.

CheckVN là một hệ thống thông tin phản hồi nhanh, bao gồm tem chứa mã QR bảo mật hai lớp, kết hợp với thiết bị di động có cài ứng dụng để truy cập vào một trung tâm dữ liệu có năm cơ sở dữ liệu quản lý độc lập



(CSDL mã tem thứ nhất chứa thông tin về nhà sản xuất; CSDL mã tem thứ hai chứa thông tin về nhà sản xuất và nhà cung cấp; CSDL so sánh chứa dữ liệu thông tin về từng cặp mã tem, CSDL sản phẩm và CSDL sản phẩm đã xác thực).

Sau khi người dùng quét QR code bằng di động, tín hiệu được chuyển đến trung tâm dữ liệu để xác thực các đoạn mã. Các mã phải khớp với CSDL ở từng vòng mới có thể đi đến CSDL tiếp theo – chẳng hạn xác thực lớp đầu tiên của QR code sẽ cho biết thông tin về sản phẩm được gắn tem, sau khi cào lớp phủ bảo mật trên lớp tem sẽ so sánh lớp hai của QR code xem liệu sản phẩm do nhà cung cấp đó có đến từ đúng nhà sản xuất mà họ đã đề cập. Cứ thế đến cuối cùng, hệ thống sẽ trả về kết quả liệu sản phẩm đó có chính hãng hay không.

Hiện nay, CheckVN đã được tích hợp vào Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của UBND một số tỉnh, như Hà Nội, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hòa Bình, Cần Thơ... với hơn 3000 doanh nghiệp tham gia và gần 10.500 sản phẩm. Các hệ thống này đã sẵn sàng chờ đầu nối về cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia khi Bộ Khoa học và Công nghệ xây xong theo Quyết định 100/QĐ-TTg năm 2019.

Thông qua sáng chế CheckVN, các nhà hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa này cũng muốn khẳng định rằng người Việt Nam có thể thiết lập được những công cụ để giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý sản xuất trong thời đại công nghệ số.

Khi các hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ của các tỉnh, bộ ngành hoặc lĩnh vực liên thông được với nhau tạo thành một Hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia (dự kiến hoàn thành năm 2025) và được các cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu nối với quốc tế thì những kết quả truy xuất của Việt Nam sẽ được công nhận trên thị trường thế giới.

NHƯ PHƯƠNG (tổng hợp)

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Nghiệm thu kết quả dự án: “Ứng dụng khoa học tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”.



Hội nghị chuyên đề về Công tác Chuyển đổi số năm 2023.



Nghiệm thu kết quả đề tài “Nghiên cứu quản lý ổn định môi trường nước trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi”.



Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Chương trình “Hành trình về địa chỉ đỏ” trong Tháng Thanh niên năm 2023.



Nghiệm thu kết quả đề tài: “Đánh giá, so sánh năng suất, chất lượng thịt và đề xuất giải pháp chăn nuôi hiệu quả cho các tổ hợp bò lai tại Quảng Ngãi làm cơ sở định hướng xây dựng thương hiệu thịt bò Quảng Ngãi”.



Họp Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn thẩm định công nghệ dự án Nhà máy sản xuất vải SEDO - Dung Quất.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Kiểm định XI TEC ô tô.



Hệ Thống máy sắc khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Kiểm định đồng hồ nước.



Kiểm định công tơ điện.



Kiểm định máy đo X-quang.